

THÀNH PHẦN LOÀI CÁ Ở SÔNG BÀN THẠCH, TỈNH PHÚ YÊN

VŨ THỊ PHƯƠNG ANH
Trường Đại học Quảng Nam

DƯƠNG THỊ MỸ DIỆP
Trường THPT Lê Trung Kiên, Đông Hòa, Phú Yên

Phú Yên là một tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, có nhiều hệ thống sông suối, thành phần các loài thủy sinh vật khá phong phú, đa dạng sinh học cao như sông Ba, đầm Ô Loan... Hiện nay các nghiên cứu mới tập trung ở con sông Ba và đầm Ô Loan, các hệ thống sông ở khu vực này chưa được nghiên cứu một cách tổng thể. Trong số đó có sông Bàn Thạch, sông nằm ở phía nam thành phố Tuy Hòa, dài 60 km, có diện tích lưu vực 590 km², sông chảy qua các xã thuộc tổng Hòa Đa và Hòa Đông rồi ra cửa Đà Nông. Sông chảy tới vùng Hội Cư thì tiếp nhận một chi từ đèo Cục Kịch giáp giới với Khánh Hòa. Bắt đầu từ Hội Cư sông mang tên Bàn Thạch, chảy ra biển ở cửa Đà Nông. Sông Bàn Thạch có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nguồn thức ăn giàu đạm như cá, tôm,... cho dân cư sống trong vùng. Tuy nhiên hiện nay chưa có một công trình nào nghiên cứu đầy đủ về thành phần loài, đặc điểm sinh học, sinh thái, phân bố của các loài cá ở sông Bàn Thạch. Việc nghiên cứu thành phần loài cá và đề xuất những giải pháp phát triển bền vững nguồn lợi là rất cần thiết. Với bài báo này sẽ góp một phần vào việc quy hoạch và sử dụng hợp lý nguồn lợi cá ở sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Việc thu mẫu được tiến hành từ tháng 3/2013 - 5/2014 tại các xã Hòa Tâm, Hòa Hiệp Nam, Hòa Hiệp Trung, Hòa Xuân, Hòa Vinh, Hòa Tân Đông thuộc huyện Đông Hòa và các xã Hòa Tân Tây, Hòa Đông, Hòa Thịnh và Hòa Mỹ thuộc huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Mẫu cá được thu trực tiếp tại các điểm nghiên cứu bằng cách theo ngư dân đánh bắt, thu mẫu cá của người dân và các chợ quanh khu vực nghiên cứu.

Phân loại cá bằng phương pháp so sánh hình thái, chủ yếu dựa vào các khóa định loại của Mai Đình Yên (1978, 1992) [9,10], Nguyễn Văn Hảo (2001, 2005) [3,4], Kottelat M. (2001) [7]. Mỗi loài cá được nêu tên khoa học và tên Việt Nam. Trình tự các bộ, họ, giống, loài được sắp xếp theo hệ thống phân loại của Eschmeyer W. T., 2005 [2] và chuẩn tên loài theo FAO (1998) [5, 6].

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài cá sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên

Ở hệ thống sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên về thành phần loài cá cho đến nay đã xác định được 115 loài thuộc 85 giống, 47 họ và 14 bộ khác nhau (Bảng 1).

Bảng 1

Danh lục thành phần loài cá ở sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Phân bố	
			Mùa khô	Mùa mưa
I	OSTEOGLOSSIFORMES	BỘ CÁ THÁT		
(1)	Notopteridae	Họ cá Thát lát		
1	<i>Notopterus notopterus</i> (Pallas, 1769)	Cá Thát lát *	+	+
II	ELOPIFORMES	BỘ CÁ CHÁO		

(2)	Megalopidae	Họ cá Cháo lớn		
2	<i>Megalops cyprinoides</i> Brousonet, 1782	Cá Cháo lớn **	+	+
III	ANGUILLIFORMES	BỘ CÁ CHÌNH		
(3)	Anguillidae	Họ cá Chình		
3	<i>Anguilla marmorata</i> (Quoy & Gaimard, 1824)	Cá Chình hoa **	+	+
4	<i>A. bicolor</i> Mc Clelland, 1844	Cá Chình mun **	+	+
IV	ATHERINIFORMES	BỘ CÁ SUỐT		
(4)	Atherinidae	Họ cá Suốt		
5	<i>Atherina bleekeri</i> Günther, 1861	Cá Suốt mắt nhỏ	+	+
V	CLUPEIFORMES	BỘ CÁ TRÍCH		
(5)	Clupeidae	Họ cá Trích		
6	<i>Herkiotsichthys quadrimaculatus</i> (Rüppell,	Cá Trích vây xanh		+
7	<i>Konosirus punctatus</i> (Schlegel, 1846)	Cá Mòi cò chắm **		+
8	<i>Nematalosus nasus</i> (Bloch, 1795)	Cá Mòi mõm tròn		+
(6)	Engraulidae	Họ cá Trống		
9	<i>Stolephorus commersonii</i> Lacépède, 1903	Cá Cơm thường	+	+
10	<i>S. tri</i> (Bleeker, 1852)	Cá Cơm sông	+	+
VI	CYPRINIFORMES	BỘ CÁ CHÉP		
(7)	Cyprinidae	Họ cá chép		
11	<i>Hemiculter leucisculu</i> (Basilewsky, 1855)	Cá Mương xanh *	+	+
12	<i>H. krempffi</i> (Pellegrin & Chevey, 1938)	Cá Mương	+	+
13	<i>Barbonymus gonionotus</i> (Bleeker, 1850)	Cá Mè vinh *	+	+
14	<i>Hypsibarbus wetmorei</i> (Smith, 1931)	Cá Mè vinh giả	+	+
15	<i>Hampala dispar</i> (Smith, 1934)	Cá Ngựa chắm *		+
16	<i>Puntius brevis</i> (Bleeker, 1860)	Cá Dầm	+	+
17	<i>Osteochilus prosemon</i> (Fowler, 1934)	Cá Lúi		
18	<i>O. brachynotopteroides</i> Chevey, 1934	Cá Lúi xanh	+	+
19	<i>Systomus binotatus</i> (Valenciennes, 1842)	Cá Trắng	+	+
20	<i>Cirrhinus molitorel</i>	Cá Trôi *		+
21	<i>Sinilabeo lemassoni</i> (Pellegrin & Chevey, 1936)	Cá Rằm xanh**	+	+
22	<i>Carassius auratus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Diếc *	+	+
23	<i>Cyprinus carpio</i> Linnaeus, 1758	Cá Chép *	+	+
24	<i>C. centralus</i> (Nguyen & Mai, 1994)	Cá Dây *	+	+
25	<i>Puntius semifasciatus</i> (Günther, 1868)	Cá Cắn		+
26	<i>Aristichthys nobilis</i> (Richardson, 1844)	Cá Mè hoa *		+
27	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i> (Cuvier &	Cá Mè trắng *		+
28	<i>Carassioides cantonensis</i> (Heincke, 1892)	Cá Rung	+	+
29	<i>Puntioplites falcifer</i> (Smith, 1929)	Cá Đánh	+	+
30	<i>Rasborinus lineatus</i> (Pellegrin, 1907)	Cá Mạ bầu		+
31	<i>Esomus metallicus</i> Ahl, 1942	Cá Lòng tong sắt	+	+
32	<i>E. longimanus</i> (Lunel, 1881)	Cá Lòng tong dài	+	
33	<i>E. danricus</i> (Hamilton, 1822)	Cá Lòng tong bay		+
34	<i>Paralaubuca barroni</i> Fowler, 1934	Cá Thiểu mại	+	+
35	<i>P. riveroi</i> Fowler, 1935	Cá Thiểu Nam	+	
36	<i>Megalobrama skolkovii</i> Dybowsky, 1872	Cá Vèn		+
37	<i>Onychostoma fusiforme</i> Kottelat, 1998	Cá Xanh	+	+
38	<i>Hampala macrolepidota</i> Van Hasselt, 1823	Cá Ngựa nam		+

39	<i>Labeo rohita</i> (Hamilton, 1822)	Cá rô hu	+	+
(8)	Cobitidae	Họ cá Chạch		
40	<i>Misgurnus anguillicaudatus</i> Cantor, 1842	Cá Chạch bùn *	+	+
41	<i>M. tonkinensis</i> Rendahl, 1937	Cá Chạch bùn núi	+	+
42	<i>Corbitis taenia</i> Linnaeus, 1758	Cá Chạch hoa đóm		+
43	<i>Acantopsis choirorhynchos</i> (Bleeker, 1854)	Cá Khoai sông	+	+
VII	CHARACIFOEMES	BỘ CÁ HỒNG		
(9)	Characidae	Họ cá Hồng nhưng		
44	<i>Clossoma brachypomun</i> (Cuvier, 1818)	Cá Chim trắng nước	+	+
VII	SILURIFORMES	BỘ CÁ NHEO		
(10)	Bagnidae	Họ cá Lăng		
45	<i>Mystus gulio</i> Hamilton, 1822	Cá Chốt	+	+
46	<i>Hemibagrus nemurus</i> (Valenciennes, 1839)	Cá Lăng nha	+	+
47	<i>Leiocassis siamensis</i> Regan, 1913	Cá Chốt bông	+	+
(11)	Cranoglanididae	Họ cá Ngạnh		
48	<i>Cranoglanis boudierius</i> (Richardson, 1846)	Cá Ngạnh thon	+	+
49	<i>C. henrici</i> (Vallant, 1893)	Cá Ngạnh thường	+	+
(12)	Siluridae	Họ cá Nheo		
50	<i>Silurus asotus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Nheo *		+
51	<i>Pterocryptis cochinchinensis</i> (Cuvier &	Cá Thèo	+	
(13)	Clariidae	Họ cá Trê		
52	<i>Clarias fuscus</i> (Lacépède, 1803)	Cá Trê đen *		+
53	<i>C. batrachus</i> (Linnaeus, 1785)	Cá Trê trắng	+	+
(14)	Sisoridae	Họ cá Chiên		
54	<i>Bagarius bagarius</i> (Hamilton, 1822)	Cá Chiên **		+
(15)	Ariidae	Họ cá Úc		
55	<i>Arius sciurus</i> Smith, 1931	Cá Úc trắng	+	+
56	<i>A. maculatus</i> (Thunberg, 1791)	Cá Úc chấm	+	+
(16)	Plotosidae	Họ cá Ngát		
57	<i>Polotosus lineatus</i> (Thunberg, 1791)	Cá Ngát		+
IX	BELONIFORMES	BỘ CÁ NHÁI		
(17)	Belonidae	Họ cá Nhái		
58	<i>Strongylura strongylura</i> (Hasselt, 1823)	Cá Nhái đuôi chấm	+	+
(18)	Hemiramphidae	Họ cá Lìm kìm		
59	<i>Hyporhamphus unifasciatus</i> (Ranzant, 1842)	Cá Kìm sông	+	+
X	SYNBRANCHIFORMES	BỘ MANG LIÊN		
(19)	Synbranchidae	Họ Lươn		
60	<i>Monopterus albus</i> (Zuiew, 1793)	Lươn đồng *	+	+
(20)	Mastacembelidae	Họ cá Chạch sông		
61	<i>Mastacembelus armatus</i> (Lacépède)	Cá Chạch sông	+	+
62	<i>M. favus</i> (Hora, 1924)	Cá Chạch bông lớn	+	+
63	<i>Macrognathus siamensis</i> (Günther, 1861)	Cá Chạch lá tre *	+	+
XI	SCORPAENIFORMES	BỘ CÁ MÙ LÀN		
(21)	Platycephalidae	Họ cá Chai		
64	<i>Platycephalus indicus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Chai	+	+
XII	PERCIFORMES	BỘ CÁ VƯỢC		
(22)	Centropomidae	Họ cá Chêm		

65	<i>Lates calcarifer</i> (Bloch, 1790)	Cá Chêm *		+
(23)	Seranidae	Họ cá Mú		
66	<i>Epinephelus fario</i> (Thunberg, 1793)	Cá Mú sao	+	+
(24)	Ambassidae	Họ cá Sơn		
67	<i>Ambassis Kopsi</i> Bleeker, 1858	Cá Sơn kôpsô	+	
68	<i>A. gymnocephalus</i> (Lacépède, 1802)	Cá Sơn xương	+	
69	<i>Parambassis ranga</i> (Hamilton, 1822)	Cá Sơn gián	+	
(25)	Teraponidae	Họ cá cẵng		
70	<i>Terapon jarbua</i> (Forsskäl, 1775)	Cá Ong cẵng*	+	+
71	<i>T. theraps</i> (Cuvier, 1829)	Cá Cẵng	+	+
72	<i>T. oxyrhynchus</i> Temminck & Schlegel, 1846	Cá Cẵng mõm nhọn	+	+
(26)	Sillaginidae	Họ cá Đục		
73	<i>Sillago sihama</i> (Forsskäl, 1775)	Cá Đục trắng		+
(27)	Leiognathidae	Họ cá Liệt		
74	<i>Leiognathus equilus</i> (Forsskäl, 1775)	Cá Liệt lớn	+	+
75	<i>L. bindus</i> (Valenciennes, 1835)	Cá Liệt mõm ngắn	+	+
(28)	Lutjanidae	Họ cá Hồng		
76	<i>Lutjanus fulviflammus</i> (Forsskäl, 1775)	Cá Hồng ánh vàng	+	+
(29)	Gerridae	Họ cá Móm		
77	<i>Gerres filamentosus</i> Cuvier, 1829	Cá Móm gai dài *	+	+
78	<i>G. lucidus</i> Cuvier, 1830	Cá Móm gai ngắn	+	+
(30)	Pomadasyidae	Họ cá Sạo		
79	<i>Pomadasys maculatus</i> (Bloch, 1970)	Cá Sạo chấm	+	+
(31)	Sparidae	Họ cá Tráp		
80	<i>Acanthopagrus latus</i> (Houttuyn, 1782)	Cá Tráp vây vàng *	+	+
81	<i>A. berda</i> (Forsskäl, 1775)	Cá Tráp berda	+	+
(32)	Sciaenidae	Họ cá Đù		
82	<i>Nibea albiflora</i> (Richardson, 1846)	Cá Đù nanh		+
(33)	Monodactylidae	Họ cá Chim mắt to		
83	<i>Monodactylus argenteus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Chim mắt to		+
(34)	Scatophagidae	Họ cá Nâu		
84	<i>Scatophagus argus</i> (Linnaeus, 1785)	Cá Nâu		+
(35)	Mugilidae	Họ cá Đồi		
85	<i>Mulgil kelaartii</i> Bloch, 1973	Cá Đồi lá *	+	+
86	<i>M. strongylocephalus</i> Richardson, 1846	Cá Đồi nhọn		+
87	<i>M. cephalus</i> Linnaeus, 1758	Cá Đồi mục *	+	+
88	<i>M. carinatus</i> (Valenciennes, 1836)	Cá Đồi lưng gò		+
89	<i>Valamugil engeli</i> (Bleeker, 1858)	Cá Đồi anh		+
90	<i>Liza tade</i> (Forsskäl, 1775)	Cá Đồi gành		+
(36)	Eleotridae	Họ cá Bông đen		
91	<i>Eleotris melanosoma</i> (Bleeker, 1852)	Cá Bông đen lớn	+	
92	<i>E. fusca</i> (Schneider & Forster, 1801)	Cá Bông mọi	+	
(37)	Gobiidae	Họ cá Bông trắng		
93	<i>Acentrogobius viridipunctatus</i> Cuvier &	Cá Bông lá tre	+	+
94	<i>Butis butis</i> (Hamilton, 1822)	Cá Bông cau	+	
95	<i>Glossogobius aureus</i> Akihito & Meguro, 1975	Cá Bông cát	+	+
96	<i>G. giuris</i> (Hamilton, 1822)	Cá Bông cát tối *	+	+

97	<i>G. fasciato punctatus</i> (Richardson, 1838)	Cá Bông chấm gáy	+	+
(38)	Siganidae	Họ cá Đìa		
98	<i>Siganus fuscescens</i> (Houttuyn, 1782)	Cá Đìa tro		+
(39)	Anabantidae	Họ cá Rô đồng		
99	<i>Anabas testudineus</i> (Bloch, 1927)	Cá Rô đồng *	+	+
(40)	Belontiidae	Họ cá Sặc		
100	<i>Trichogaster trichopterus</i> (Pallas, 1770)	Cá Sặc bướm	+	+
101	<i>T. pectoralis</i> (Regan, 1910)	Cá Sặc rằn *	+	+
102	<i>T. microlepis</i> (Günther, 1861)	Cá Sặc điệp		+
103	<i>Trichopsis vittatus</i> (Cuvier, 1831)	Cá Bã trâu		+
104	<i>Macropodus opercularis</i> (Linnaeus, 1788)	Cá Đuôi cò		+
105	<i>Betta taeniata</i> Regan, 1910	Cá Thia ta		+
(41)	Cichlidae	Họ cá Rô phi		
106	<i>Oreochromis mossambicus</i> (Peters, 1852)	Cá Rô phi *	+	+
107	<i>O. niloticus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Rô phi vằn *	+	+
(42)	Channidae	Họ cá Quả		
108	<i>Channa striata</i> Bloch, 1793	Cá Lóc *	+	+
109	<i>C. micropeltes</i> (Cuvier, 1831)	Cá Lóc bông **		+
XII	PLEURONECTIFORMES	BỘ CÁ BƠN		
(43)	Bothidae	Họ cá Bơn vĩ		
110	<i>Pseudorhombus sinensis</i> Lacépède, 1802	Cá Bơn vĩ	+	+
111	<i>P. arsius</i> (Hamilton, 1822)	Cá Bơn vĩ răng to	+	+
(44)	Soleidae	Họ cá Bơn		+
112	<i>Euroglossa siamensis</i> (Sauvage, 1878)	Cá Bơn lá mít	+	+
(45)	Cynoglossidae	Họ cá Bơn cát		
113	<i>Cynoglossus puncticeps</i> Richardson, 1846	Cá Bơn điếm	+	
XI	TETRAODONTIFORMES	BỘ CÁ NÓC		
(46)	Triacanthidae	Họ cá Nóc ba gai		
114	<i>Triacanthus revirostris</i> (Bloch, 1786)	Cá Nóc ba gai	+	
(47)	Tetraodontidae	Họ cá Nóc		
115	<i>Takifugu oblongus</i> (Bloch, 1786)	Cá Nóc chày	+	+

Chú thích: * Các loài cá kinh tế, ** Các loài cá quý hiếm

2. Cấu trúc thành phần loài

Bảng 2

Số lượng và tỉ lệ % các họ, giống, loài có trong các bộ

TT	Tên Bộ cá	Số lượng					
		Họ		Giống		Loài	
		n	%	n	%	n	%
1	Bộ cá Thát lát (Osteoglossiformes)	1	2,13	1	1,18	1	0,87
2	Bộ cá Cháo (Elopiformes)	1	2,13	1	1,18	1	0,87
3	Bộ cá Chình (Anguilliformes)	1	2,13	1	1,18	2	1,74
4	Bộ cá Suốt (Atheriniformes)	1	2,13	1	1,18	1	0,87
5	Bộ cá Trích (Clupeiformes)	2	4,26	4	4,71	5	4,35
6	Bộ cá Chép (Cypriniformes)	2	4,26	26	30,59	33	28,70

7	Bộ cá Hồng nhung (Characiformes)	1	2,13	1	1,18	1	0,87
8	Bộ cá Nheo (Siluriformes)	7	14,89	10	11,76	13	11,30
9	Bộ cá Nhái (Beloniformes)	2	4,26	2	2,35	2	1,74
10	Bộ cá Mang liên (Synbranchiformes)	2	4,26	3	3,53	4	3,48
11	Bộ cá Mù lùn (Scorpaeniformes)	1	2,13	1	1,18	1	0,87
12	Bộ cá Vược (Perciformes)	21	44,68	29	34,12	45	39,13
13	Bộ cá Bơn (Pleuronectiformes)	3	6,38	3	3,53	4	3,48
14	Bộ cá Nóc (Tetraodontiformes)	2	4,26	2	2,35	2	1,74
Tổng số		47	100	85	100	115	100

Taxon bậc loài: Trong 115 loài thì bộ cá Vược (Perciformes) có số loài nhiều nhất 45 loài chiếm 39,13%, tiếp đến là bộ cá Chép (Cypriniformes) 33 loài chiếm 28,70%, bộ cá Nheo (Siluriformes) 13 loài chiếm 11,30%, bộ cá Trích (Clupeiformes) có 5 loài chiếm 4,35%, bộ cá Bơn (Pleuronectiformes) và bộ cá Mang liên (Synbranchiformes) cùng có 4 loài chiếm 3,48%, bộ cá Chình (Anguilliformes), bộ cá Nhái (Beloniformes) và bộ cá Nóc (Tetraodontiformes) đều có 2 loài chiếm 1,74%. Các bộ còn lại, mỗi bộ có 1 loài chiếm 0,87%.

Taxon bậc giống: Trong 47 họ và 85 giống, đa dạng nhất là bộ cá Vược (Perciformes) với 29 giống chiếm 34,12% trong tổng số giống. Tiếp đến là bộ cá Chép (Cypriniformes) có 26 giống chiếm 30,59%, bộ cá Nheo (Siluriformes) với 10 giống chiếm 11,76%, bộ cá Trích có 4 giống chiếm 4,71%, bộ cá Bơn (Pleuronectiformes) và bộ cá Mang liên (Synbranchiformes) đều có 3 giống chiếm 3,53%, bộ cá Nhái (Beloniformes) và bộ cá Nóc (Tetraodontiformes) cùng có 2 giống chiếm 2,35%. Các bộ còn lại, mỗi bộ có 1 giống chiếm 1,18%.

Taxon bậc họ: Trong số 14 bộ và 47 họ đa dạng nhất là bộ cá Vược (Perciformes) với 21 họ chiếm 44,68%. Tiếp đến là bộ cá Nheo (Siluriformes) 7 họ chiếm 14,89%, bộ cá Bơn (Pleuronectiformes) có 3 họ chiếm 6,38%. Các bộ còn lại chỉ có 1 đến 2 họ chiếm tỷ lệ thấp.

3. Các loài cá quý hiếm

Trong thành phần loài cá ở sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên đã xác định được 7 loài cá quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 6 loài đều được xếp vào bậc VU và 1 loài xếp vào bậc EN.

Bảng 3

Các loài cá quý hiếm ở sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Mức độ
1	<i>Megalops cyprinoides</i> Brousonet, 1782	Cá Cháo lớn	VU
2	<i>Anguilla marmorata</i> (Quoy & Gaimard, 1824)	Cá Chình hoa	VU
3	<i>A. bicolor</i> Mc Clelland, 1844	Cá Chình mun	VU
4	<i>Konosirus punctatus</i> (Schlegel, 1846)	Cá Mòi cờ chằm	VU
5	<i>Nematolusus nasus</i> (Bloch, 1795)	Cá Mòi mõm tròn	VU
6	<i>Bagarius bagarius</i> (Hamilton, 1822)	Cá Chiên	VU
7	<i>Channa micropeltes</i> (Cuvier, 1831)	Cá Lóc bông	EN

Chú thích: EN (Endangered): nguy cấp, VU (Vulnerable): sẽ nguy cấp

III. KẾT LUẬN

Thành phần loài cá ở sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên khá đa dạng, đã xác định được 115 loài với 85 giống nằm trong 47 họ thuộc 14 bộ khác nhau. Trong tổng số đó, có 7 loài nguy cấp quý hiếm (6 loài ở mức độ VU và 1 loài ở mức độ EN) (Sách Đỏ Việt Nam 2007), 27 loài có giá trị kinh tế.

Trong tổng số các loài cá thu được ở sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên. Chúng tôi nhận thấy bộ cá Vược (Perciformes) với 21 họ chiếm (44,68%), 29 giống chiếm 34,12%, 45 loài chiếm 39,13% là bộ ưu thế nhất; Bộ cá Nheo (Siluriformes) có 7 họ chiếm (14,89%), 10 giống chiếm 11,76%, 13 loài chiếm 11,30%; Bộ cá Bơn (Pleuronectiformes) có 3 họ chiếm (6,38%), 3 giống chiếm 3,53%, 4 loài chiếm 3,48%; Các bộ đều có 2 họ chiếm (4,26%) là: Bộ cá Trích (Clupeiformes), bộ cá Chép (Cypriniformes), bộ cá Nhái (Beloniformes), bộ cá Mang liềm (Synbranchiformes) và bộ cá Nóc (Tetraodontiformes). Riêng bộ cá Chép (Cypriniformes) có 26 giống chiếm 30,59%, 33 loài chiếm 28,70%; Các bộ còn lại có 1 họ chiếm (2,13%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Khoa học và Công nghệ**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần I: Động vật. Nxb KHTN&CN, Hà Nội.
2. **Eschmeyer, W. T.**, 2005. Catalogue of life, Pulished by California Academy of Sciences, San Francisco.
3. **Nguyễn Văn Hảo**, 2001. Cá nước ngọt Việt Nam, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, Tập 1.
4. **Nguyễn Văn Hảo**, 2005. Cá nước ngọt Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, Tập 2 và Tập 3.
5. **FAO**, 1998. California Academy of Sciences, Vol. 1.
6. **FAO**, 1998. California Academy of Sciences, Vol. 2: 59 - 1820.
7. **Kottelat, M.**, 2001. Freshwater fishes of Northern Vietnam, The World Bank.
8. **Rainboth, W. J.**, 1996. Fishes of The Cambodian Mekong, FAO.
9. **Mai Đình Yên**, 1978. Định loại cá nước ngọt các tỉnh miền Bắc Việt Nam, Nxb. KHKT, Hà Nội.
10. **Mai Đình Yên**, 1992. Định loại cá nước ngọt Nam Bộ, Nxb. KHKT, Hà Nội.

PRELIMINARY DATA OF FISH SPECIES IN BAN THACH RIVER, PHU YEN PROVINCE

VU THI PHUONG ANH, DUONG THI MY DIEP
SUMMARY

Species composition of fishes in Ban Thach river, Phu Yen Province is quite diverse. Our surveys, which were carried out from 3/2013 to 5/2014, have revealed that 115 species belonging to 85 genera, 47 families and 14 orders. Among which, Perciformes is the most plentiful one with 45 species. Cyprinidae, Belontiidae, Mugilidae, Gobiidae, Corbitidae are dominant in species composition. Among 115 species in Ban Thach, 7 species are listed in the 2007 Red Data Book of Vietnam including 6 species at VU and 1 species at EN.